

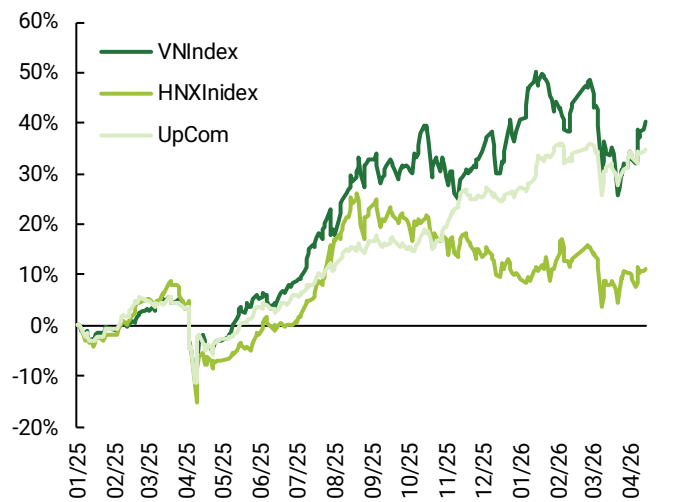
VN-Index 1775.65 (0.95%)
943 Tr. cổ phiếu 23547.4 Tỷ VND (4.07%)

HNX-Index 252.41 (0.30%)
69 Tr. cổ phiếu 1251.4 Tỷ VND (-13.14%)

UPCOM-Index 127.96 (0.20%)
72 Tr. cổ phiếu 905.1 Tỷ VND (42.77%)

VN30F1M 1946.30 (0.73%)
221,847 HD OI: 23,830 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1775.7, tăng +16.7 điểm (+0.95%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền tiếp tục luân chuyển giữa các nhóm ngành với giao dịch khởi sắc ghi nhận ở nhóm Thép, Nhựa. Ở chiều dẫn dắt chỉ số, nhóm Vingroup tiếp tục là động lực.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Tài nguyên Cơ bản: NKG (+6.7%), HSG (+6.8%), TLH (+7.0%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (+2.3%), HAG (+3.4%), DBC (+5.0%) | Ngân hàng: ACB (+1.1%), VPB (+1.7%) | Bất động sản: CRE (+2.5%), VIC (+3.4%), VHM (+4.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Dầu khí: BSR (-3.8%), PVD (-2.5%), PLX (-1.4%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-1.7%), PPC (-1.0%)

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, HPG, VPB, TCX - Chiều giảm | BSR, GAS, STB, VNM, VCK

Khối ngoại Mua ròng gần 150 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, HPG, MBB, trong khi bán ròng FPT, BID, NVL.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji, phản ánh trạng thái giằng co. Thanh khoản cũng có dấu hiệu chứng lại, cho thấy tâm lý thận trọng hơn từ phía bên mua. Dòng tiền tiếp tục luân chuyển giữa các nhóm ngành thay vì duy trì xu hướng tăng liên tục ở một nhóm. Vùng mục tiêu của nhịp hồi quanh ngưỡng 1,800 điểm. Các yếu tố vĩ mô bên ngoài, đặc biệt là diễn biến địa chính trị vẫn là biến số rủi ro hiện hữu; trong kịch bản căng thẳng không leo thang thành xung đột quy mô lớn, thị trường khả năng sẽ tiếp tục xu hướng đi lên trong trạng thái thận trọng. Hỗ trợ gần hiện quanh vùng 1680 – 1700 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co trong biên độ 248 – 254 mang tính tích lũy. Mục tiêu cao hơn cho nhịp hồi là ngưỡng 264, trong khi hỗ trợ gần hiện là ngưỡng 246.
- **Chiến lược:** NĐT có thể cân nhắc giải ngân trở lại với tỷ trọng thăm dò cho các vị thế ngắn hạn, ưu tiên tín hiệu điều chỉnh trong phiên hơn là mua đuổi. Diễn biến địa chính trị vẫn là biến số chi phối thị trường và còn nhiều yếu tố khó lường phía trước; do đó, quản trị rủi ro cần được song hành với hoạt động giải ngân. Các nhóm ngành đáng chú ý gồm Ngân hàng, Tiêu dùng, Đầu tư công và Bất động sản.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi MSN (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,775.7	0.9%	5.8%	4.7%	23,547.4	4.1%	55.1%	-14.3%	942.6	0.3%	53.7%	-8.0%
HNX-Index	252.4	0.3%	2.3%	2.7%	1,251.4	-13.1%	25.9%	-49.6%	69.4	-11.1%	22.9%	-44.2%
UPCOM-Index	128.0	0.2%	1.8%	2.6%	905.1	42.8%	1.9%	-23.5%	71.6	90.3%	67.6%	-1.2%
VN30	1,946.6	1.1%	5.7%	5.0%	12,700.9	18.3%	70.0%	-3.7%	391.1	12.9%	67.7%	5.1%
VNMID	2,258.6	0.2%	5.8%	4.5%	8,988.4	-7.3%	44.9%	-23.8%	405.2	-5.5%	38.4%	-22.0%
VNSML	1,428.2	0.3%	2.8%	0.8%	1,128.3	-8.8%	37.9%	-29.7%	72.7	-13.4%	19.7%	-32.8%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	634.7	0.3%	4.09%	3.2%	6,773.9	-1.71%	-6.7%	9.9%	293.2	-7.1%	-5.7%	13.3%
Bất động sản	820.7	3.1%	9.7%	13.8%	3,390.9	-3.5%	-17.7%	-9.9%	127.0	-10.3%	-28.4%	-12.9%
Dịch vụ tài chính	324.4	0.5%	5.3%	6.1%	2,989.1	-3.8%	-18.8%	-10.9%	128.3	-6.5%	-20.5%	-14.0%
Công nghiệp	279.1	-0.6%	3.6%	12.7%	1,054.7	-14.6%	-15.7%	-19.3%	28.4	-9.6%	-15.5%	-20.5%
Tài nguyên cơ bản	558.8	2.7%	3.6%	3.9%	2,210.5	172.5%	62.7%	103.7%	92.0	163.6%	68.2%	99.9%
Xây dựng - Vật Liệu	184.1	0.7%	5.2%	2.6%	1,681.7	-16.7%	0.1%	16.6%	76.4	-23.8%	-7.2%	11.6%
Thực phẩm	507.2	0.2%	-6.6%	-29.7%	1,822.6	78.9%	51.5%	40.1%	50.8	115.2%	89.0%	72.9%
Bán Lẻ	1,530.1	0.5%	3.2%	0.6%	584.3	10.8%	-18.3%	-26.2%	8.5	19.0%	-11.2%	-22.9%
Công nghệ	412.5	0.4%	2.7%	-1.1%	567.9	-26.3%	-19.1%	-19.4%	8.3	-24.4%	-18.3%	-20.1%
Hóa chất	182.4	0.2%	4.3%	-6.7%	701.7	19.8%	2.1%	-29.3%	19.0	16.6%	1.8%	-26.9%
Tiện ích	758.9	-1.0%	2.8%	-6.2%	358.6	-54.7%	-39.6%	-43.5%	16.5	-33.8%	-25.1%	-36.6%
Dầu khí	108.1	-3.1%	7.6%	-19.7%	707.9	21.0%	7.9%	-19.4%	24.1	25.7%	9.7%	-12.5%
Dược phẩm	430.0	-0.2%	-1.8%	-2.2%	78.9	-25.7%	7.5%	55.9%	2.7	-12.7%	18.9%	53.3%
Bảo hiểm	116.2	0.2%	-6.3%	3.3%	34.2	-31.2%	-55.5%	-53.8%	0.7	-37.3%	-62.3%	-59.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,775.7	0.95%	-0.5%	16.3x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,507	-	19.6%	17.1x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,676	2.34%	-11.2%	17.7x	1.9x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,406	0.59%	0.8%	16.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,013	-0.68%	-0.7%	9.3x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,027	0.95%	1.5%	16.7x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,872	0.82%	0.9%	13.3x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	57,877	2.43%	15.0%	22.0x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,886	1.02%	0.6%	27.0x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	48,218	0.63%	0.3%	23.9x	5.5x
FTSE 100	Anh	10,596	0.12%	6.7%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,960	0.93%	2.9%	17.2x	2.5x
DXY		98.1	-0.51%	-0.2%		
USDVND		26,335	-0.023%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

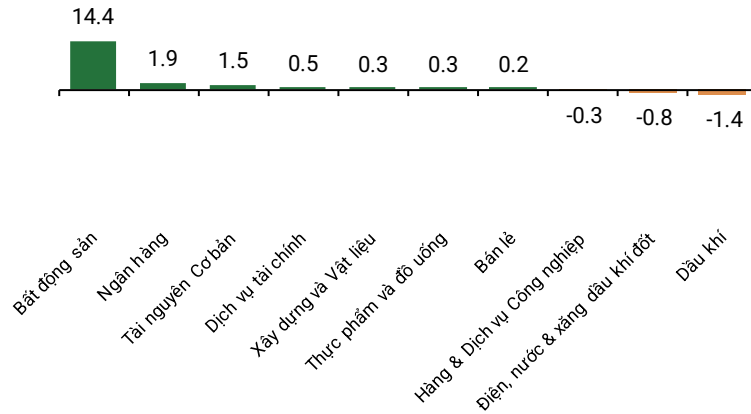
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-0.5%	-4.1%	62.5%	52.4%
Dầu WTI	-2.2%	-1.8%	68.8%	57.5%
Khí gas	-0.8%	-16.8%	-29.3%	-21.7%
Than cốc (*)	0.0%	3.6%	0.0%	9.9%
Thép HRC (*)	0.2%	0.4%	0.8%	-0.6%
PVC (*)	-1.1%	-0.4%	9.0%	0.3%
Phân Urea (*)	0.0%	21.4%	95.1%	109.8%
Cao su thiên nhiên	0.0%	3.9%	12.6%	19.4%
Bông Cotton	2.3%	13.7%	16.5%	16.8%
Đường	0.9%	-3.5%	-7.6%	-22.4%
World Container Index	0.0%	8.8%	4.3%	1.9%
Baltic Dirty tanker Index	-3.9%	32.3%	159.4%	201.0%
Vàng	0.85%	-4.8%	10.7%	48.9%
Bạc	2.88%	-3.5%	8.5%	140.5%

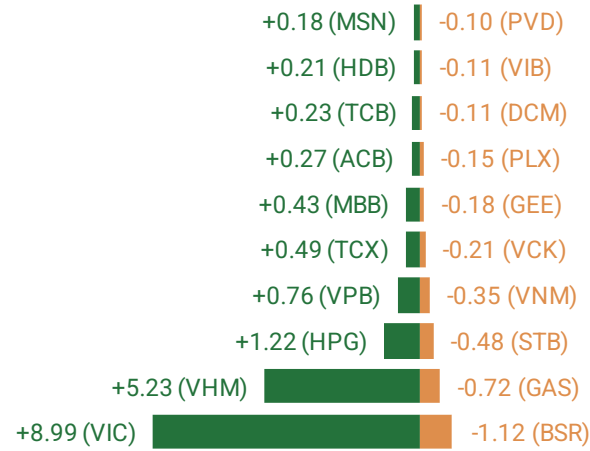
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

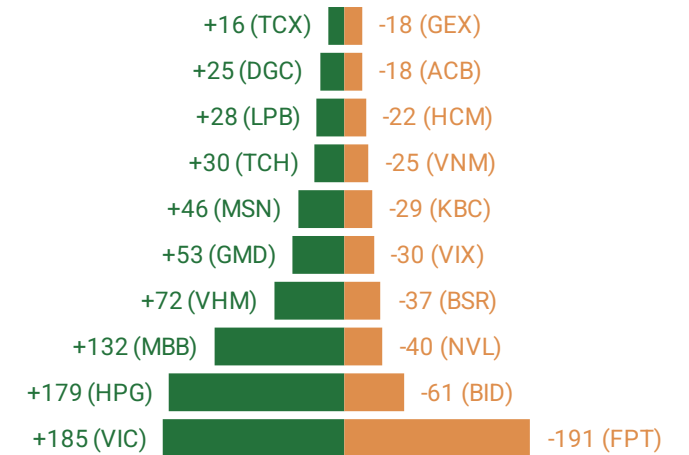


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

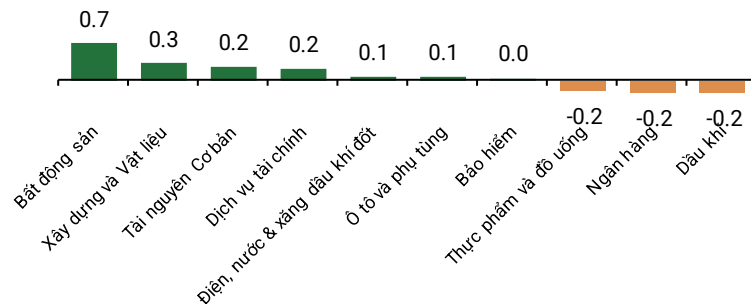


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

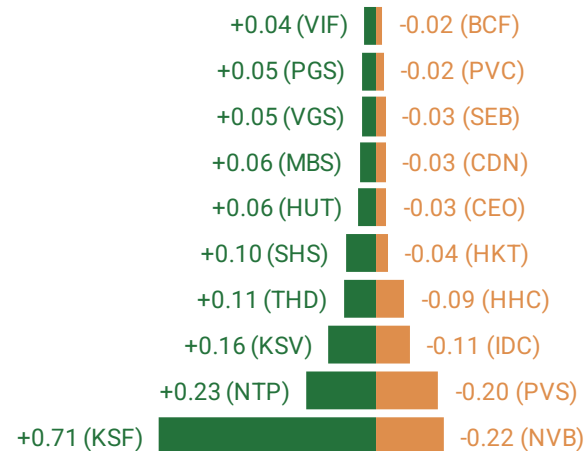
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



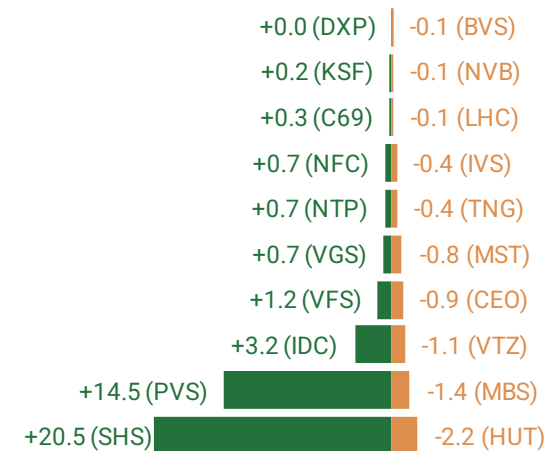
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



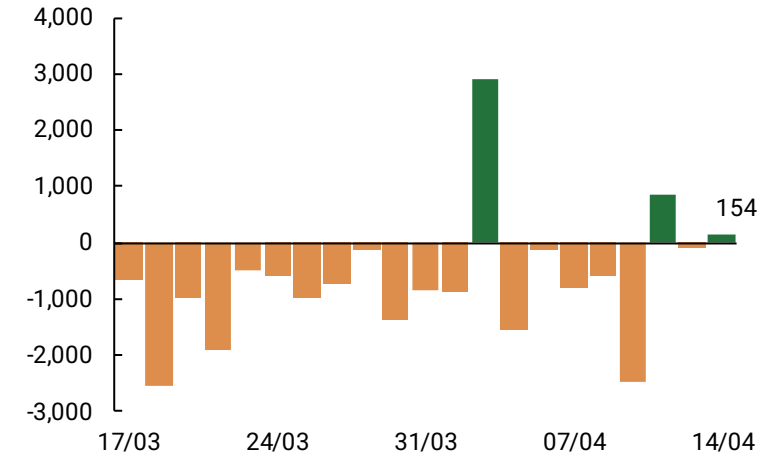
	HPG	SHB	VHM	VIC	VIX
%DoD	2.7%	0.7%	4.9%	3.4%	0.6%
Giá trị	1,762	1,481	704	608	586

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	TCB	HCM	VNM	VCB	SHB
%DoD	0.5%	0.2%	-1.3%	0.2%	0.7%
Giá trị	651	509	361	350	158

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



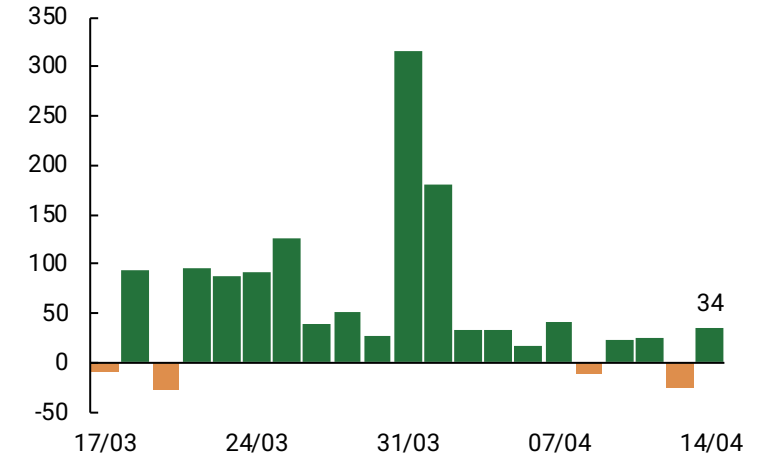
	CEO	SHS	PVS	IDC	MBS
%DoD	-0.6%	1.1%	-1.8%	-1.0%	0.5%
Giá trị	267	226	155	95	53

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	TPP	DVM	DNP	DIH	SHS
%DoD	0.0%	8.5%	0.0%	1.1%	1.1%
Giá trị	28	25	19	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Doji, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 - 1700.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Thanh khoản dù hạ nhiệt song vẫn giữ mức cao so với đầu tháng, hàm ý lực cầu được duy trì tốt. Các chỉ báo động lượng cũng giữ đà đi lên, chưa phát tín hiệu đảo chiều. Mục tiêu cao hơn của nhịp hồi là hướng tới mốc tâm lý 1800 điểm, tuy nhiên, đà đi lên có thể kèm theo rung lắc khi chỉ số gần tiếp cận vùng cản này. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1680 - 1700 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1870.
- ✓ Kháng cự: 1980 - 2000.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Mặc dù VN30 bật tăng trên ngưỡng MA50 ngày, nhưng việc kết phiên tạo mẫu hình nến Doji hàm ý lực cung vẫn chi phối trên vùng cao. Dù vậy, các chỉ báo động lượng đang giữ đà, chưa có dấu hiệu suy yếu. Chỉ số có thể tiếp tục đi lên kèm theo rung lắc, mục tiêu hướng tới khu vực 1980 - 2000 điểm. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1870 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	MSN	WATCH	Current price	77.60	P/E (x)	28.6
Exchange	HOSE		Watch zone	75 - 76	P/B (x)	3.2
Sector	Food Products		Target price	85	EPS	2709.7
			Cut loss price	71	ROE	12.5%
				Stock Rating	BB	
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

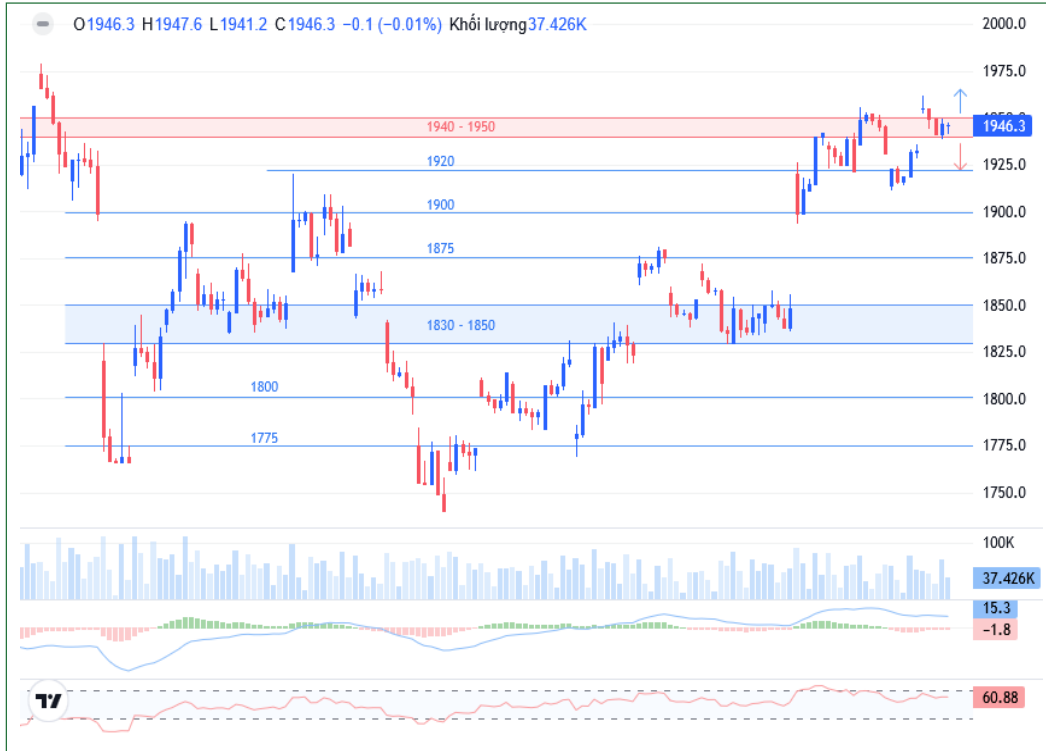
- Giá thiết lập nền tốt trên MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và cải thiện lên miền dương, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản hạ nhiệt trong phiên giảm cho thấy lực cung suy giảm.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh lành mạnh nhằm kiểm định hỗ trợ.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát phản ứng khi giá kiểm định lại khu vực 75 - 76

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Theo dõi	15/04/2026	77.60	75 - 76	-	85	12.58%	71	-5.96%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	29.15	28.5 - 29	1.4%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
2	SIP	Mua	09/04/2026	-	60.6	60.5 - 61	-0.2%	68	11.93%	57	-6.17%	
3	VIB	Mua	09/04/2026	-	17.6	17.1 - 17.3	2.6%	18.7	9.04%	16.3	-4.96%	
4	HPG	Mua	14/04/2026	-	28.55	27.6 - 27.8	3.1%	31	11.91%	26	-6.14%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1946.3, tăng 14.1 điểm (+0.7%). Giá mở cửa hưng phấn đầu phiên nhưng áp lực điều chỉnh đã nhanh chóng trở lại chi phối. Vận động gần như đi ngang sau đó quanh khu vực 1940 - 1950.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn cắt xuống đường tín hiệu, song RSI duy trì trên mức trung bình, cho thấy động lượng tăng chưa bị phủ định hoàn toàn. Tín hiệu nghiêng về trung tính và giá có thể tiếp tục rung lắc trong vùng 1940 – 1950 để kiểm định thêm xu hướng. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1952. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1936.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1876.6, tăng 15.6 điểm (+0.8%). Độ lệch basis 1.6 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 49 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1860 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1890 điểm.

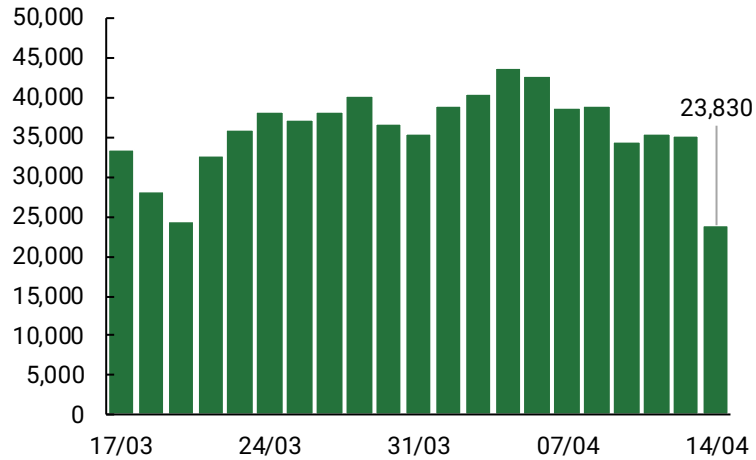
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1952	1966	1944	14 : 8
Short	< 1936	1922	1945	14 : 9

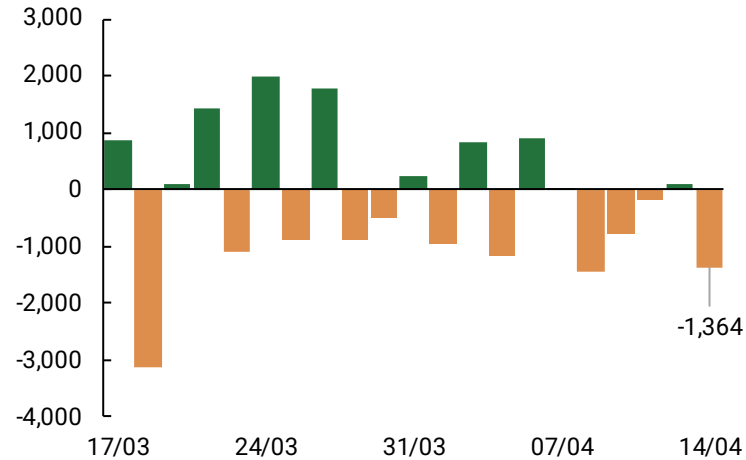
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,943.8	22.7	41	308	1,959.2	-15.4	17/09/2026	156
4111G6000	1,918.0	-13.9	605	1,744	1,951.8	-33.8	18/06/2026	65
4111G5000	1,944.9	9.9	5,987	5,653	1,949.5	-4.6	21/05/2026	37
4111G4000	1,946.3	14.1	221,847	23,830	1,946.7	-0.4	16/04/2026	2
4112G4000	1,876.6	15.6	49	25	1,878.3	-1.7	16/04/2026	2

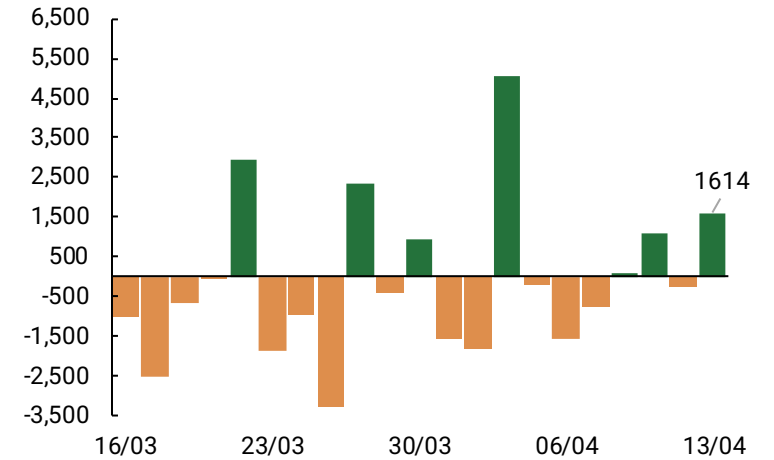
Khối lượng mở (Open interest)



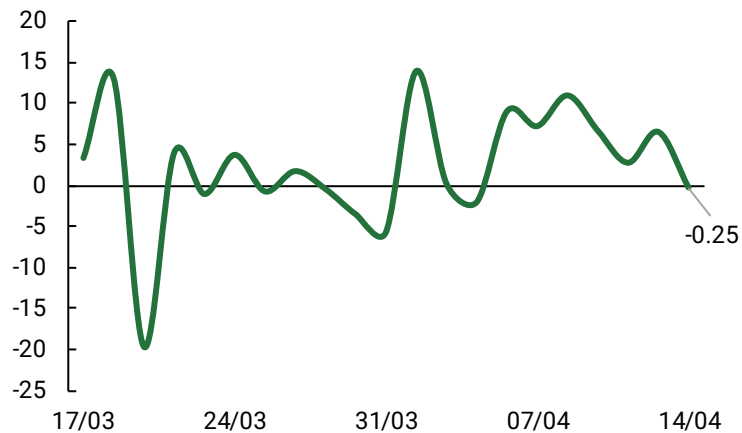
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



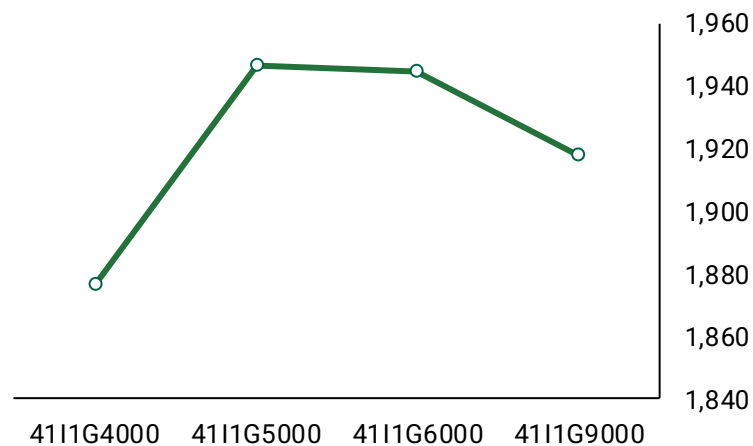
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



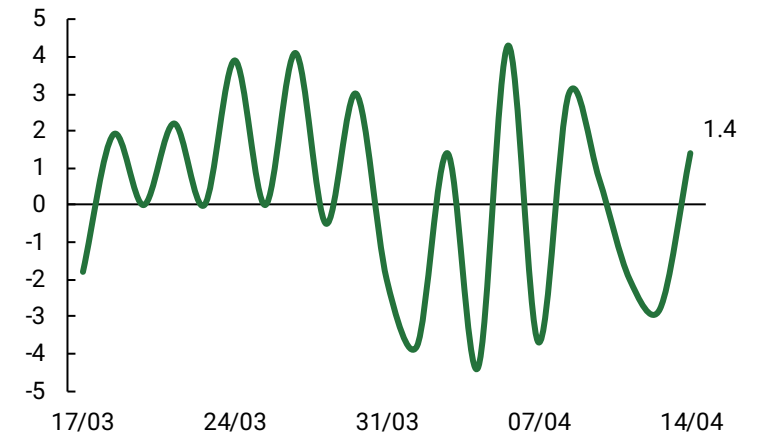
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

01/04	Vietnam & US - Chỉ số PMI
03/04	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
05/04	Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
06/04	Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
07/04	Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
09/04	Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10/04	Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
14/04	Mỹ - Chỉ số PPI
16/04	Việt Nam - Đáo hạn phái sinh Trung Quốc – GDP Quý 1
28/04	Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
29 - 30/04	Mỹ - FED họp và công bố lãi suất Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất Canada - BOC họp và công bố lãi suất

Nâng cấp quan hệ Việt Nam-Slovakia lên Đối tác Chiến lược: Sáng 13/4, Hai Thủ tướng có cuộc hội đàm rất thành công và đạt được sự nhất trí cao ở nhiều phương diện, trong đó thông qua Tuyên bố chung về việc nâng cấp quan hệ Việt Nam-Slovakia lên Đối tác Chiến lược.

Doanh nghiệp bất động sản rục rịch phát hành riêng lẻ trở lại: Sau giai đoạn đóng băng do điều kiện thị trường bất lợi và áp lực tài chính gia tăng, nhiều doanh nghiệp bất động sản đang lên kế hoạch huy động vốn thông qua phát hành riêng lẻ trở lại. Động thái này phản ánh cả kỳ vọng thị trường cải thiện lẫn nhu cầu vốn cấp thiết khi các kênh huy động truyền thống chưa thực sự thông suốt.

HDBank, VIFC và Sở Giao dịch Chứng khoán London thiết lập quan hệ đối tác toàn diện: Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM (HDBank), phối hợp cùng Sở Giao dịch Chứng khoán London (London Stock Exchange – LSE) và Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam tại TP HCM (VIFC) đã tổ chức Diễn đàn Đầu tư cấp cao tại TP HCM, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc kết nối thị trường vốn Việt Nam với hệ thống tài chính toàn cầu.

Mỹ - Iran có thể sắp đàm phán lần hai: Theo nguồn tin từ Mỹ và Trung Đông, hiện các nhà trung gian gấp rút khôi phục đàm phán Mỹ-Iran sau lần gặp nhau không có thỏa thuận ở Pakistan cuối tuần rồi. Lệnh ngừng bắn hai bên sẽ hết hạn vào ngày 21/04.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VGT - Vinatex ước lãi quý 1 tăng 31%: Quý 1/2026, Vinatex ước đạt doanh thu hợp nhất 4.55 ngàn tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, thực hiện được 23% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 355 tỷ đồng, tăng 31% và thực hiện được 27% kế hoạch năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 468 triệu USD, thực hiện 24% kế hoạch, tăng 6% so với cùng kỳ, trong đó thị trường xuất khẩu lớn nhất vẫn là Mỹ. Dù dự báo nhiều biến động, các lãnh đạo Vinatex vẫn đề ra mục tiêu lợi nhuận khả quan trong quý 2/2026.

BSR - Quý I đã vượt lợi nhuận kế hoạch năm: Kết thúc quý 1/2026, Công ty đạt sản lượng sản xuất 2.03 triệu tấn; doanh thu đạt 41,278 tỷ đồng; nộp NSNN đạt 3,810 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 3,347 tỷ đồng (vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2,162 tỷ đồng).

TAL - Taseco Land góp 125 tỷ đồng thành lập công ty hạ tầng công nghiệp tại Bắc Ninh: Công ty Hạ tầng Công nghiệp Phúc An có vốn điều lệ dự kiến 250 tỷ đồng, trụ sở tại phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh. Trong đó, CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (Taseco Land) góp 125 tỷ đồng, chiếm 50% vốn điều lệ. Nguồn vốn góp được lấy từ vốn kinh doanh của công ty.

So với số liệu quý 1/2025, doanh thu tăng trưởng 29% trong khi lợi nhuận tăng vọt so với mức gần 400 tỷ cùng kỳ năm trước (gần 8.4 lần).

TNG - Nhóm VinaCapital trở thành cổ đông lớn: Ngày 06/04, Quỹ đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaCapital mua vào 400 ngàn cp TNG, nâng tỷ lệ sở hữu tại hãng dệt may từ 1.29% lên gần 1.6%. Sau giao dịch, quỹ này cùng nhóm quỹ liên quan tại VinaCapital sở hữu tổng cộng hơn 6.74 triệu cp TNG, tương ứng 5.24% cổ phần và trở thành cổ đông lớn

PNJ chốt quyền nhận cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 2:1: Ngày 24/4 tới đây, PNJ sẽ chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu thưởng nhằm tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Dự kiến phát hành gần 170.6 triệu cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện 2:1.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	70,000	65,400	-6.6%	Giảm tỷ trọng
BCM	55,500	73,400	32.3%	Mua
CTG	34,900	45,200	29.5%	Mua
CTD	83,800	87,050	3.9%	Nắm giữ
CTI	22,850	27,200	19.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,500	68,000	34.7%	Mua
DDV	28,425	35,900	26.3%	Mua
DGC	56,300	99,300	76.4%	Mua
DGW	45,600	48,500	6.4%	Nắm giữ
DPG	44,000	42,900	-2.5%	Giảm tỷ trọng
DPR	40,450	46,500	15.0%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,916	17,200	33.2%	Mua
EVF	13,850	14,400	4.0%	Nắm giữ
FRT	150,500	157,600	4.7%	Nắm giữ
GMD	74,400	77,000	3.5%	Nắm giữ
HAH	55,000	60,300	9.6%	Nắm giữ
HDG	28,650	34,000	18.7%	Tăng tỷ trọng
HHV	12,950	12,300	-5.0%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,550	34,300	20.1%	Mua
IMP	56,000	55,000	-1.8%	Giảm tỷ trọng
KDH	26,200	38,800	48.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MCH	140,000	177,200	26.6%	Mua
MWG	81,600	99,600	22.1%	Mua
NLG	29,150	39,900	36.9%	Mua
NT2	26,350	27,700	5.1%	Nắm giữ
PHR	62,300	72,800	16.9%	Tăng tỷ trọng
PNJ	109,500	113,300	3.5%	Nắm giữ
PVS	38,600	39,900	3.4%	Nắm giữ
PVT	21,850	18,900	-13.5%	Bán
POW	13,150	15,000	14.1%	Tăng tỷ trọng
SAB	45,150	57,900	28.2%	Mua
SSI	28,700	32,100	11.8%	Tăng tỷ trọng
TLG	50,000	50,900	1.8%	Nắm giữ
TCB	32,050	42,400	32.3%	Mua
TCM	24,700	37,900	53.4%	Mua
TRC	72,800	94,800	30.2%	Mua
VCB	59,300	84,200	42.0%	Mua
VPB	27,350	37,000	35.3%	Mua
VCG	22,850	26,200	14.7%	Tăng tỷ trọng
VHC	61,000	60,000	-1.6%	Giảm tỷ trọng
VNM	62,000	66,650	7.5%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415